

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829703] - PLC nâng cao  
(CCQ2105A,B)

Số SV có mặt:.....  
Số bài thi: .....  
Số tờ giấy thi:.....

CBGD: Nguyễn Lê Nhựt Tuyên (280036)

| STT | Mã SV      | Họ và Tên         |        | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số Tờ<br>Mã Đề | Chữ ký SV | Đ.QT<br>(40%) | Đ.Thi<br>(60%) | Điểm<br>HP |
|-----|------------|-------------------|--------|------------|----------|----------------|-----------|---------------|----------------|------------|
| 1   | 2121050043 | Châu Quốc         | Khánh  | 02/09/2003 | CCQ2105B |                |           | 5.0           | 5.0            | 5.0        |
| 2   | 2121050061 | Nguyễn Huỳnh Đăng | Khánh  | 05/12/2003 | CCQ2105B |                |           | 8.2           | 0.0            | 3.3        |
| 3   | 2121050062 | Nguyễn Tự         | Lập    | 10/08/2003 | CCQ2105B |                |           | 5.9           | 6.0            | 6.0        |
| 4   | 2121050056 | Nguyễn Hoài       | Linh   | 09/07/2003 | CCQ2105B |                |           | 7.3           | 0.0            | 2.9        |
| 5   | 2121050047 | Trương Thành      | Linh   | 27/05/2000 | CCQ2105B |                |           | 6.3           | 6.0            | 6.1        |
| 6   | 2121050065 | Trịnh Văn         | Minh   | 17/10/2003 | CCQ2105B |                |           | 7.6           | 7.0            | 7.2        |
| 7   | 2121050036 | Lê Thanh          | Nam    | 19/05/2003 | CCQ2105B |                |           | 0.0           | 0.0            | 0.0        |
| 8   | 2121050076 | Nguyễn Hoài       | Nam    | 10/07/2003 | CCQ2105B |                |           | 6.1           | 6.0            | 6.0        |
| 9   | 2121050063 | Đỗ Duy            | Ngọc   | 14/11/2003 | CCQ2105B |                |           | 7.2           | 7.0            | 7.1        |
| 10  | 2121050039 | Đặng Đức          | Phú    | 07/07/2003 | CCQ2105B |                |           | 8.3           | 9.0            | 8.7        |
| 11  | 2121050064 | Nguyễn Thanh      | Phương | 23/04/2003 | CCQ2105B |                |           | 8.5           | 9.5            | 9.1        |
| 12  | 2121050066 | Đoàn Ngọc         | Quế    | 29/09/2003 | CCQ2105B |                |           | 8.2           | 8.5            | 8.4        |
| 13  | 2121050060 | Lê Văn            | Quyết  | 02/01/2003 | CCQ2105B |                |           | 8.3           | 9.5            | 9.0        |
| 14  | 2121050044 | Từ Tịnh           | Tâm    | 31/05/2003 | CCQ2105B |                |           | 6.8           | 5.0            | 5.7        |
| 15  | 2121050054 | Đàng Đức          | Tân    | 17/06/2003 | CCQ2105B |                |           | 7.3           | 9.0            | 8.3        |
| 16  | 2121050059 | Phạm Quang        | Thắng  | 15/04/2002 | CCQ2105B |                |           | 8.8           | 9.0            | 8.9        |
| 17  | 2121050052 | Lê Minh           | Thuận  | 13/02/2003 | CCQ2105B |                |           | 7.8           | 9.0            | 8.5        |
| 18  | 2121050048 | Trần Trung        | Trực   | 01/10/2002 | CCQ2105B |                |           | 5.1           | 5.0            | 5.0        |
| 19  | 2121050053 | Huỳnh Nguyễn Tấn  | Trung  | 30/01/2002 | CCQ2105B |                |           | 7.4           | 0.0            | 3.0        |